

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
NĂM HỌC: 2021-2022

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			225	42	18.67	102	45.33	81	36	0	0	0	0	225	100	0	0	192	85.33	30	13.33	3	1.33	0	0	225	100	0	0		
1	Khối 7		81	15	18.52	36	44.44	30	37.04	0	0	0	0	81	100	0	0	71	87.65	9	11.11	1	1.23	0	0	81	100	0	0		
1.1	7A	Nguyễn Thị Dung	41	6	14.63	14	34.15	21	51.22	0	0	0	0	41	100	0	0	36	87.8	4	9.76	1	2.44	0	0	41	100	0	0		
1.2	7B	Lê Thị Mai Hiền	40	9	22.5	22	55	9	22.5	0	0	0	0	40	100	0	0	35	87.5	5	12.5	0	0	0	0	40	100	0	0		
2	Khối 8		75	13	17.33	36	48	26	34.67	0	0	0	0	75	100	0	0	65	86.67	9	12	1	1.33	0	0	75	100	0	0		
2.1	8A	Bùi Thị Mỹ Dung	36	5	13.89	16	44.44	15	41.67	0	0	0	0	36	100	0	0	31	86.11	4	11.11	1	2.78	0	0	36	100	0	0		
2.2	8B	Lê Thị Thúy Vinh	39	8	20.51	20	51.28	11	28.21	0	0	0	0	39	100	0	0	34	87.18	5	12.82	0	0	0	0	39	100	0	0		
3	Khối 9		69	14	20.29	30	43.48	25	36.23	0	0	0	0	69	100	0	0	56	81.16	12	17.39	1	1.45	0	0	69	100	0	0		
3.1	9A	Nguyễn Hải Hà	35	4	11.43	14	40	17	48.57	0	0	0	0	35	100	0	0	27	77.14	7	20	1	2.86	0	0	35	100	0	0		
3.2	9B	Trịnh Thị Hòa	34	10	29.41	16	47.06	8	23.53	0	0	0	0	34	100	0	0	29	85.29	5	14.71	0	0	0	0	34	100	0	0		

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần